

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2019/DS-ST
Ngày 01 tháng 10 năm 2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé.
2. Ông Tôn Phước Thuận.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Đoàn Thụy Thùy Trang, kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 362/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Trụ sở: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên của ông K. Có ông Huỳnh Bảo Q - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh M - An Giang. (Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PV ngày 19.6.2014).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Q. Có bà Nguyễn Ngọc T - Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh A chi nhánh M. (Văn bản ủy quyền số 87/UQ-NHNN.ML ngày 03.5.2019). (có mặt).

2. Bị đơn: - Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1962. (vắng mặt).
- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày: Vào ngày 11.11.2008 ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Đ và Ngân hàng N ký kết Hợp đồng tín dụng số 101/2008/HĐTD ngày 11.11.2008 và Hợp đồng thế chấp số 153/HĐTD/2008 ngày 11.11.2008 vay số tiền 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng), mục đích vay bổ sung chi phí chăn nuôi bò; thời hạn vay là 12 tháng, thỏa thuận lãi suất tại thời điểm vay 17%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay ông Khoa, bà Đấu đã thế chấp cho Ngân hàng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05541QSDĐnB, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 03, diện tích 6.98.80m², Mục đích sử dụng đất: thổ cư, lâu năm khác. Đất tọa lạc tại ấp An Phú, xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Do ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 09.12.2002 cho ông Huỳnh Văn K đứng tên quyền sử dụng. Do đến hạn thanh toán ông Khoa, bà Đấu không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn và lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông K, bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho NHNo M số tiền nợ gốc là 50.000.000^d và tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày xét xử sơ thẩm đồng thời tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng giữa ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Đ với NHNo M để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10.7.2019 bị đơn ông Huỳnh Văn K trình bày và thống nhất hiện tại ông và bà Đ còn nợ Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 50.000.000^d và tiền lãi tính đến ngày 10.7.2019 là 80.696.875^d.

Bà Nguyễn Thị Đ được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Đ vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Đ đã được tổng đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông K,

bà Đ vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà Đ là đúng theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng N khởi kiện ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Đ; yêu cầu ông K, bà Đ liên đới thanh toán số tiền vốn vay 50.000.000^d và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 101/2008/HĐTD ngày 11.11.2008. Ông K, bà Đ có nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xuất phát từ việc Ngân hàng yêu cầu ông K, bà Đ trả số tiền 50.000.000^d theo hợp đồng tín dụng số 101/2008/HĐTD ngày 11.11.2008. Do đến hạn thanh toán ông K, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay cho Ngân hàng Nông nghiệp Mỹ Luông - An Giang là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2] *Về nội dung*: Hợp đồng tín dụng số 101/2008/HĐTD ngày 11.11.2008 được ký kết giữa Ngân hàng N với ông K, bà Đ xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không trái với đạo đức, xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng tín dụng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, trong quá trình thực hiện hợp đồng phía ông K, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi đúng hạn cho Ngân hàng để phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Nên việc Ngân hàng khởi kiện ông K, bà Đ yêu cầu thanh toán vốn vay, lãi còn nợ cho Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất từ sau thời điểm xét xử, tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn có yêu cầu bên vay ông K, bà Đ tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 101/2008/HĐTD ngày 11.11.2008 đã ký kết cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Xét thấy, yêu cầu này là không trái với quy định của pháp luật có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 101/2008/HĐTD ngày 11.11.2008 giữa ông K, bà Đ với Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng này ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, có công chứng, chứng thực và có đăng ký thế chấp tuân thủ theo quy định pháp luật nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa: Bà T đại diện Ngân hàng yêu cầu ông K, bà Đ liên đới trả vốn gốc 50.000.000^d, tiền lãi 82.512.500^d tính đến ngày 01.10.2019 và trả lãi phát sinh từ ngày 02.10.2019 cho đến khi thi hành án xong.

Từ cơ sở phân tích trên nghĩ nên buộc ông K, bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 132.512.500^d (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 153/HĐTD/2008 ngày 11.11.2008 giữa ông K, bà Đ với Ngân hàng N để bảo đảm việc thi hành án.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T đại diện theo ủy quyền, từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Đ, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Ngày 11/11/2008, giữa Chi nhánh Ngân hàng N (nay là Công ty t gọi tắt là Ngân hàng) với ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Đ và ký kết hợp đồng tín dụng số 101/2008/HĐTD vay 50.000.000 đồng, lãi suất 1,417%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay để chăn nuôi bò.

Tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05541/nB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Huỳnh Văn K ngày 09/12/2002, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 03, diện tích 698.8m², đất tọa lạc tại ấp A, xã An T, huyện C, mục đích sử dụng: đất ở và đất trồng cây lâu năm khác và giấy chứng

nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 240/Nơ do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị Đ ngày 24/5/2004, nhà tọa lạc tại ấp A, xã An T, huyện C, diện tích 65,65m², kết cấu nhà khung gỗ, vách gỗ, nền ván, mái ngói.

Từ khi vay vốn đến ngày khởi kiện 03/5/2019 ông K, bà Đ chưa trả vốn, đã trả lãi cho ngân hàng đến ngày 13/3/2009 với số tiền 2.856.944 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông K, bà Đ trả 132.512.500 đồng (vốn 50.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 01/10/2019 là 82.512.500 đồng); ông K, bà Đ chịu lãi phát sinh trên hợp đồng tín dụng số 101/2008/HĐTD ngày 11/11/2008; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 153/2008/HĐTC ngày 11/11/2008 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông K, bà Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được giải ngân xong ngày 13/11/2008 với số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông K, bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả 132.512.500 đồng (vốn 50.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 01/10/2019 là 82.512.500 đồng) là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Trung và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chợ Mới (nay là Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới) nên việc Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp để thu hồi số nợ nêu trên là có căn cứ theo Điều 303 Bộ luật dân sự và Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi nhánh Ngân hàng N (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Mỹ Luông, An Giang).

- Buộc ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Đ trả cho Chi nhánh Ngân hàng N (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Mỹ Luông, An Giang) số tiền 132.512.500 đồng (vốn 50.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 01/10/2019 là 82.512.500 đồng).

- Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 153/2008/HĐTC ngày 11/11/2008 để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Các Điều 26, 35, 146, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 91, 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.
2. Buộc ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N tiền vốn gốc 50.000.000^d và tiền lãi 82.512.500^d tính đến ngày xét xử 01.10.2019. Tổng cộng vốn và lãi là 132.512.500^d (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).
- Kể từ ngày 02.10.2019 ông K, bà Đ phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số 101/2008/HĐTD ngày 11.11.2008 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N.
3. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 153/HĐTD/2008 ngày 11.11.2008 giữa ông K, bà Đ với Ngân hàng N để bảo đảm việc thi hành án.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Đ liên đới phải chịu 6.625.625^d (sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).
5. Ngân hàng N do Ngân hàng N - chi nhánh Mỹ Lương, An Giang làm đại diện được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000^d (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013024 ngày 09.5.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Thanh